TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33**/2020/DS-PT
Ngày: 21 - 4 - 2020
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Trần Thị Thanh Hà

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vũ Bảo

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 23 tháng 3 năm 2020 và 21 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 33/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 48/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 210/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1967;
Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai; (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 6 năm 2017).

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Huy H1, sinh năm 1960;
Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962;
Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Huy H1 và bà Nguyễn Thị Kim H.

(Ông H, ông H1, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2017, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 8 năm 2012, ông Nguyễn Thành T và ông Nguyễn Huy H1 ký hợp đồng vay tiền, ông T cho ông H1 vay số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất vay là 2,3%/tháng là 4.300.000 đồng; hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền;

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 đã trả cho ông T lãi suất hàng tháng. Đến tháng 9 năm 2014 không trả tiền lãi, cũng như tiền gốc;

Ngày 20 tháng 9 năm 2014, ông Nguyễn Huy H1 có viết tờ giấy xin khất nợ, ông H1 xin không trả 05 tháng tiền lãi suất từ tháng 10, 11, 12 năm 2014 và tháng 01, 02 năm 2015 và cam kết sẽ trả nợ gốc cho ông T vào tháng 3 năm 2015; đến hạn trả ông H1 vẫn không thực hiện;

Ngày 01 tháng 5 năm 2015, ông Nguyễn Huy H1 viết giấy vay nợ, ông H1 xác nhận nợ gốc là 190.000.000 đồng, ông T giảm phần lãi suất cho ông H1 xuống còn 1,0%/ tháng và cam kết trả lãi đúng hạn;

Ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H đã nhiều lần hứa trả số tiền nợ trên, nhưng vẫn không thực hiện. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, ông H1, bà H với ông T lập giấy cam kết với nội dung, ông T sẽ không tính lãi suất cho thời gian từ ngày lập cam kết cho đến kỳ hạn ông H1 cam kết trả nợ vào tháng 12 năm 2016; ông H1 không phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất chưa trả trước đây; đến hạn, ông H1, bà H vẫn không thực hiện.

Nay, ông Nguyễn Thành T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Huy H1 và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22 tháng 10 năm 2019, với mức lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể: (190.000.000 đồng x 0,75%) x 33 tháng (làm tròn) = 47.025.000 đồng. Tổng cộng là 190.000.000 đồng + 47.025.000 đồng = 237.025.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Giữa ông H1 và ông Nguyễn Thành T là chỗ quen biết, ngày 06 tháng 01 năm 2008, ông T có cho ông H1 vay số tiền 190.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất thỏa thuận là 2.5%/tháng, hàng tháng đóng tiền lãi là 4.750.000 đồng, thời hạn trả nợ là khi nào ông T yêu cầu thì ông H1 sẽ trả. Lúc vay tiền, hai bên không làm giấy tờ xác nhận.

Ngày 25 tháng 8 năm 2012, ông T yêu cầu ông H1 phải làm giấy vay tiền, vì trước đó hai bên không ký giấy vay mượn. Nội dung giấy vay tiền, là ông H1 vay của ông T 190.000.000 đồng, lãi suất 2.3%/tháng là 4.300.000 đồng; nhưng thực tế, ông H1, bà H vẫn đóng lãi cho ông T với lãi suất là 2.5%/tháng, từ lúc vay tiền ngày 06 tháng 01 năm 2008 đến ngày 06 tháng 01 năm 2013.

Sau ngày 06 tháng 01 năm 2013, ông H1 đã xin ông T giảm tiền lãi xuống 2,2%/tháng, ông T đồng ý. Ông tiếp tục đóng tiền lãi cho ông T với lãi suất là 2,2%/tháng, với số tiền là 4.300.000 đồng. Đến ngày 06 tháng 8 năm 2014, ông không còn khả năng thanh toán vì làm ăn thất bại. Hiện nay, ông chưa trả được tiền nợ gốc.

Nay, ông T yêu cầu ông H1, bà H phải trả số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22 tháng 10 năm 2019, tổng cộng là 237.025.000 đồng; ông, bà không đồng ý vì đã trả số tiền lãi vượt quá số tiền nợ gốc.

** Bản án sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành T số tiền 237.025.000 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Huy H1 không đồng ý trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng và tiền lãi suất.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 06 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ giấy vay nợ ngày 01 tháng 5 năm 2015 (Bút lục 82), giấy khất nợ ngày 20 tháng 9 năm 2014 (Bút lục số 81) thể hiện ông H1 xin ông T cho 5 tháng tiền lời; giấy mượn tiền ngày 25 tháng 8 năm 2012 (Bút lục 27); Biên bản cam kết về việc trả nợ vay mượn ngày 16 tháng 12 năm 2015 (Bút lục số 92). Từ đó có cơ sở xác định ông Nguyễn Huy H có mượn của ông Nguyễn Thành T với số tiền 190.000.000 đồng.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: Thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn sau khi đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ; bà Nguyễn Thị Kim H không được triệu tập trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ. Đồng thời thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cụ thể chưa làm rõ về thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo

Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã có các sai sót sau:

[3.1] Về thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố:

Ngày 05 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (bút lục số

23). Ngày 30 tháng 7 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Huy H1 nộp đơn phản tố. Sau khi yêu cầu ông H1 nộp tạm ứng án phí đến ngày 08 tháng 6 năm 2017 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý yêu cầu phản tố.

Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý yêu cầu phản tố sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3.2] Về thủ tục hòa giải, công khai chứng cứ:

Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bổ sung tư cách tố tụng bị đơn đối với bà Nguyễn Thị Kim H từ ngày 11 tháng 9 năm 2019 (bút lục số 98). Tuy nhiên, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, bà H không được tống đạt các thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác cũng như không được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vi phạm trên của cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của bà H.

[3.3] Về thu thập chứng cứ:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản vay vào ngày 25 tháng 8 năm 2012 nên cần làm rõ số tiền lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn sau thời điểm này để xử lý trong cùng vụ án.

Xét nguyên đơn khai giao dịch vay số tiền 190.000.000 đồng bắt đầu từ thời điểm ngày 25 tháng 8 năm 2012, theo giấy mượn tiền cùng ngày có chữ ký của ông Nguyễn Huy H1 mức lãi suất là 2,3%/tháng (4.300.000 đồng/tháng). Việc trả lãi của ông H1 kéo dài đến tháng 9 năm 2014 thì chấm dứt.

Bị đơn ông H1 khai nại đã vay từ ngày 06 tháng 01 năm 2008, trả lãi với mức là 2.5%/tháng (tương đương 4.750.000 đồng), đến ngày 25 tháng 8 năm 2012 ông T mới yêu cầu làm giấy vay tiền. Tuy trên, giấy vay tiền ngày 25 tháng 8 năm 2012 ghi lãi suất 2.3%/tháng (4.300.000 đồng/tháng) nhưng thực tế vợ chồng ông vẫn phải đóng lãi cho ông T với lãi suất là 2.5%/tháng cho đến ngày 06 tháng 01 năm 2013. Sau ngày 06 tháng 01 năm 2013, ông H1 tiếp tục đóng tiền lãi cho ông T với lãi suất là 2,2%/tháng (4.300.000 đồng/tháng) đến tháng 8 năm 2014.

Nguyên đơn cũng thừa nhận có việc bị đơn trả lãi đến hết tháng 8 năm 2014.

Như vậy, lời khai của các bên đương sự đều thừa nhận có việc trả lãi vay từ ngày 25 tháng 8 năm 2012 đến tháng 8 năm 2014 nhưng không thống nhất được số tiền trả lãi cụ thể hàng tháng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ khoản tiền lãi bên vay đã trả để làm cơ sở tính toán đối trừ trong trường hợp khoản tiền lãi đã trả vượt quá quy định là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Từ các phân tích trên, do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cầu chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 33 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mỗi người kháng cáo phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo mức 300.000 đồng/người. Trong vụ án, các bị đơn bà H, ông H1 cùng kháng cáo nhưng Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chỉ buộc nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là áp dụng chưa đúng quy định trên, cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị Kim H. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông H1, bà H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001034 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sự